



Bảo tồn di sản văn hóa

PHÁT HUY SỨC MẠNH MỀM CỦA DÂN TỘC

Nguyễn Hà Thu

Với bề dày hơn 4000 năm lịch sử, Việt Nam đã xây dựng được một kho tàng di sản văn hóa vô cùng phong phú và đa dạng. Đây không chỉ là tài sản vô giá của dân tộc mà còn là nguồn lực quan trọng cho sự phát triển bền vững. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, các giá trị di sản văn hóa chính là cội rễ của sức mạnh mềm văn hóa dân tộc, là sức mạnh nội sinh, là nguồn lực và động lực to lớn để đất nước phát triển thịnh vượng.

Kho tàng di sản văn hóa hùng vĩ, sức mạnh mềm của dân tộc

Với bề dày lịch sử, văn hóa hàng nghìn năm, Việt Nam có hệ thống di sản văn hóa vật thể và phi vật thể vô cùng đa dạng, độc đáo, giàu giá trị. Di sản văn hóa Việt Nam bao gồm di sản văn hóa phi vật thể và di sản văn hóa vật thể, là sản phẩm tinh thần, vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác.

Theo thống kê của Cục Di sản (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch), tính đến giữa năm 2024, trên toàn quốc có hơn 40.000 di tích, trong đó có 8 Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới được UNESCO

công nhận, 130 di tích quốc gia đặc biệt, 3.621 di tích quốc gia, hơn 10.000 di tích được xếp hạng cấp tỉnh/thành phố.

Về di sản văn hóa phi vật thể, có khoảng 70.000 di sản đã được kiểm kê trên địa bàn cả nước, 15 di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh tại Danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại và Di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp; 9 di sản tư liệu thuộc chương trình Ký ức thế giới của UNESCO; 498 di sản văn hóa phi vật thể được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia và 265 hiện vật, nhóm hiện vật đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận là Bảo vật quốc gia. Đặc biệt, Quần thể danh thắng Tràng An hiện là di sản hỗn hợp thế giới duy nhất không chỉ ở Việt Nam mà cả khu vực Đông Nam Á.

Kho tàng di sản văn hóa hùng vĩ của Việt Nam không những tạo nên sự đa dạng, phong phú và bản sắc của nền văn hóa dân tộc trong bối cảnh hội nhập quốc tế, mà còn là nhân tố, nguồn lực quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Các di sản văn hóa không chỉ làm phong phú đời sống tinh thần cho con người và xã hội, mà còn là nguồn lực quý giá để phát triển ngành du lịch theo hướng bền vững.

Trên phương diện kinh tế-xã hội, nhiều di sản văn hóa đã trở thành sản phẩm văn hóa - du lịch hoàn chỉnh, vừa là động lực, vừa là mục tiêu cho sự phát triển du lịch. Theo báo cáo của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, trong 5 năm 2016-2020, tổng số lượng khách du lịch tại các khu Di sản thế giới ở Việt Nam năm 2016 là 14,3 triệu khách, năm 2019 tăng lên khoảng 18,2 triệu khách. Tổng doanh thu từ bán vé tham quan, dịch vụ tại các khu Di sản thế giới ở Việt Nam năm 2016 khoảng 1.776 tỷ đồng,

năm 2019 đạt khoảng 2.322 tỷ đồng. Tuy nhiên, từ năm 2020, do ảnh hưởng từ đại dịch COVID-19 nên số lượng du khách và doanh thu giảm mạnh, song lượng khách du lịch đang dần phục hồi trở lại.

Với sự góp sức của hệ thống di sản văn hóa đậm đà bản sắc, du lịch Việt Nam liên tục được đánh giá cao ở nhiều cuộc bầu chọn và giải thưởng quốc tế. Năm 2023, Việt Nam vinh dự nhận 19 giải thưởng hàng đầu Thế giới và 54 giải thưởng hàng đầu châu Á do Tổ chức giải thưởng du lịch thế giới (World Travel Awards) trao tặng. Trong đó, Việt Nam lần thứ 4 được vinh danh là "Điểm đến Di sản hàng đầu thế giới"; lần thứ 5 liên tiếp đạt danh hiệu "Điểm đến hàng đầu châu Á".

Các danh hiệu, giải thưởng là minh chứng sống động cho việc phát huy giá trị của di sản trong phát triển du lịch, kinh tế - xã hội; tạo sinh kế cho cộng đồng nơi có di sản, góp phần cân bằng, bảo vệ môi trường, thúc đẩy phát triển bền vững. Điều này góp phần quảng bá hình ảnh du lịch Việt Nam sâu rộng hơn tới bạn bè quốc tế, đồng thời khẳng định nỗ lực bảo tồn, phát huy giá trị di sản của cộng đồng người dân, góp phần định vị thương hiệu quốc gia, dân tộc trong thời kỳ hội nhập toàn cầu.

Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa để lan tỏa sức mạnh mềm

Nhận thức được tầm quan trọng của các di sản văn hóa Việt Nam, Đảng ta đã nhất quán chủ trương quan tâm, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Ngày 23/11/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 65/SL "Ấn định nhiệm vụ của Đông Phương Bác cổ Học viện" - đây là Sắc lệnh đầu tiên của Nhà nước ta về việc bảo tồn di sản văn hóa dân tộc. Sắc lệnh khẳng định việc bảo tồn cổ tích

"là công việc rất quan trọng và rất cần thiết cho công cuộc kiến thiết nước Việt Nam".

Kể từ đó, nhận thức về vai trò của di sản văn hóa trong phát triển kinh tế - xã hội ngày càng được nâng cao. Chính phủ đã ban hành nhiều nghị quyết nhằm kết nối di sản văn hóa với phát triển bền vững, khẳng định rằng văn hóa không chỉ là mục tiêu mà còn là động lực cho sự phát triển. Những văn bản đó có tác động sâu sắc đến quá trình giữ gìn bảo vệ và phát huy giá trị các di sản văn hóa của dân tộc.

Năm 2001, Luật Di sản văn hóa được Quốc hội khóa X, Kỳ họp thứ 9 thông qua. Đây là cơ sở pháp lý cao nhất nhằm bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa ở Việt Nam. Và vào năm 2005, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định lấy ngày 23/11 là "Ngày Di sản Văn hóa Việt Nam", nhằm "phát huy truyền thống và ý thức trách nhiệm của những người làm công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam, động viên các tầng lớp xã hội tham gia tích cực vào sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc". Nhiều năm qua, Ngày Di sản văn hóa Việt Nam đã trở thành ngày hội lớn, thấp sáng ngọn lửa di sản văn hóa dân tộc trong trái tim hàng triệu người dân Việt Nam.

Đặc biệt, sự phát triển tư duy lý luận của Đảng về "phát huy sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam" - lần đầu tiên xuất hiện trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng - đã khẳng định các giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Bản sắc văn hóa Việt Nam và sức mạnh con người Việt Nam đã trở thành cội rễ của sức mạnh mềm văn hóa dân tộc, là sức mạnh nội sinh, là nguồn lực và động lực to lớn của đất nước trong phát triển bền vững và hội nhập quốc tế. Bảo tồn di sản văn hóa không chỉ là trách nhiệm của nhà nước



mà còn là nhiệm vụ của mỗi cá nhân trong xã hội. Chỉ khi chúng ta cùng nhau chung tay gìn giữ những giá trị quý báu này, di sản văn hóa Việt Nam mới có thể mãi tỏa sáng trong lòng mỗi người dân và bạn bè quốc tế.

Bên cạnh đó, để bắt nhịp với những tiến bộ công nghệ và ứng dụng chuyển đổi số, việc áp dụng công nghệ mới trong quản lý và bảo tồn di sản, xây dựng cơ sở dữ liệu số về di sản văn hóa đã được Nhà nước đặt ra và ngày càng gia tăng. Ngày 2/12/2021, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chương trình số hóa Di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021-2030. Trên cơ sở đó, các cơ quan, đơn vị đã bước đầu hình thành số hóa, chuẩn hóa dữ liệu hiện có của các bảo tàng, ban quản lý di tích trên toàn quốc, nhằm từng bước hình thành cơ sở dữ liệu dùng chung của ngành. Điều này không chỉ hữu ích trong công tác bảo tồn, tạo kho tàng lưu giữ thông tin chi tiết về các giá trị vật thể và phi vật thể mà còn tạo nền tảng khai thác tối đa tiềm năng của di sản trong công nghiệp văn hóa.

Cùng với xây dựng hành lang pháp lý, trong những năm qua, Chính phủ đã hỗ trợ hàng nghìn tỷ đồng cho các địa phương trên cả nước để bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phục hồi di tích. Chính quyền địa phương các cấp cũng đã có những cơ chế, chính sách huy động các nguồn lực hợp pháp để phục vụ việc tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp các di tích trên địa bàn. Nhiều di tích sau khi được tu bổ, tôn tạo đã phát huy hiệu quả, phục vụ thiết thực nhu cầu sinh hoạt văn hóa cộng đồng địa phương. Điển hình như: Quần thể di tích Cố đô Huế (năm 1993) và Vịnh Hạ Long (năm 1994), khi mới được ghi danh là Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới chỉ có vài chục nghìn khách du lịch, đến nay đã thu hút tới hàng triệu khách tới tham quan, nghiên cứu mỗi năm; Quần thể danh thắng Tràng An, sau 5 năm được UNESCO ghi danh đã thu hút hơn 6,3 triệu lượt khách/năm.

Công tác xã hội hóa hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di tích cũng đạt được những hiệu quả tích cực, đã huy động được nguồn vốn không nhỏ từ các tổ chức,

đoàn thể, doanh nghiệp, cộng đồng và nguồn vốn viện trợ của UNESCO, các tổ chức chính phủ, phi chính phủ cho bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phục hồi di tích. Các dự án trùng tu di tích lịch sử như Chùa Một Cột hay các công trình tại Cố đô Huế đã được thực hiện với sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương. Điều này không chỉ bảo tồn giá trị lịch sử mà còn tạo ra cơ hội cho du lịch phát triển.

Ở nhiều địa phương, di sản văn hóa đã góp phần lớn trong việc dịch chuyển và thay đổi cơ cấu kinh tế. Sau 20 năm từ khi trở thành Di sản thế giới, Hội An đã giúp ngành du lịch địa phương tăng trưởng vượt bậc, hiện chiếm tỷ trọng hơn 70% GDP toàn thành phố. Các nguồn thu này đã bổ sung đáng kể vào chi phí của địa phương trong việc cải thiện cơ sở hạ tầng, giáo dục, y tế, an ninh và cho chính việc bảo tồn các di sản.

Có thể nói, bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa là con đường ngắn nhất để lan tỏa "sức mạnh mềm" văn hóa Việt Nam, đồng thời cũng sẽ tạo ra nguồn lực như những "cú hích" trực tiếp cho phát triển kinh tế, văn hóa, du lịch, dịch vụ. Muốn vậy cần có cơ chế và giải pháp đúng nhằm xử lý mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển, phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống với việc xây dựng nền văn hóa và con người trong bối cảnh mới nhằm hướng tới xây dựng nền văn hóa tiên tiến, giàu bản sắc, lan tỏa sức mạnh mềm của Việt Nam ra quốc tế./

